

Tạp chí

NÔNG NGHIỆP
&
PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN

*Science and Technology Journal
of Agriculture & Rural Development*

MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT, VIETNAM

Chuyên đề

**50 NĂM TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM - ĐẠI HỌC HUẾ
MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
GIAI ĐOẠN 2014-2016**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tháng 3
2017

TẠP CHÍ

**NÔNG NGHIỆP
& PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
ISSN 1859 - 4581

NĂM THỨ MƯỜI BÂY

CHUYÊN ĐỀ

50 NĂM ĐẠI HỌC NÔNG LÂM -
ĐẠI HỌC HUẾ
MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN
2014 - 2016
THÁNG 3 - 2017

TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM HÀ THÁI
ĐT: 04.37711070

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
DƯƠNG THANH HẢI
ĐT: 04.38345457

TOÀ SOẠN - TRỊ SỰ
Số 10 Nguyễn Công Hoan
Quận Ba Đình - Hà Nội
ĐT: 04.37711072
Fax: 04.37711073

E-mail: tapchinongnghiep@vnn.vn
Website: www.tapchikhoaohocnongnghiep.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠP CHÍ
TẠI PHÍA NAM
135 Pasteur
Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
ĐT/Fax: 08.38274089

Giấy phép số:
290/GP - BTTTT

Bộ Thông tin - Truyền thông
cấp ngày 03 tháng 06 năm 2016.

Công ty cổ phần Khoa học và
công nghệ Hoàng Quốc Việt
Địa chỉ: Số 18 Hoàng Quốc Việt,
Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

- ❑ ĐỖ MINH CƯỜNG, NGUYỄN THỊ NGỌC, TRẦN ĐỨC HẠNH, VÕ CÔNG ANH, NGUYỄN TIỀN LONG. Thiết kế và chế tạo hệ thống bệ rung dùng trong nghiên cứu dao động của xe (ô tô, máy kéo) 108-113
- ❑ NGUYỄN HIỀN TRANG, LÊ THANH LONG, TRẦN THỊ THU HÀ NGUYỄN THÝ ĐAN HUYỀN, NGUYỄN CAO CUỜNG. Nghiên cứu sử dụng màng bao từ nanochitosan đến khả năng kháng nấm *Aspergillus niger* N3 trong quá trình bảo quản hạt giống đậu xanh 114-120
- ❑ ĐINH THỊ THU THANH, ĐỖ THỊ BÍCH THỦY, TRẦN THỊ ÁI LUYÊN. Nghiên cứu thu nhận hợp chất exopolisacarit (EPS) từ chủng *Pediococcus acidilactic* được tuyển chọn 121-127
- ❑ DƯƠNG QUỐC NỎN, NGUYỄN HỮU NGŨ, NGUYỄN THỊ NHẬT LINH, NGUYỄN THẾ VINH. Tích hợp DSAS, GIS – Viễn thám đánh giá biến động đường bờ biển: Nghiên cứu trường hợp tại Cửa Đại, tỉnh Quảng Nam 128-134
- ❑ NGUYỄN VĂN BÌNH, HỒ KIỆT. Ứng dụng viễn thám và ảnh Landsat để nghiên cứu độ ẩm mặt đất trên cơ sở chỉ số khô hạn nhiệt độ - thực vật (TVDI) trên địa bàn thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên- Huế 135-143
- ❑ NGUYỄN TÚ MINH, LÊ VĂN DÂN. Nghiên cứu khả năng tạo bùn hạt hiệu ứng dụng xử lý nước thải ao nuôi tôm trong bể phản ứng theo mè luân phiên 144-150
- ❑ NGUYỄN ĐỨC HƯNG, NGUYỄN TIỀN QUANG, NGUYỄN ĐỨC CHUNG, HỒ LÊ QUỲNH CHÂU, NGUYỄN THỊ MÙI, NGUYỄN THỊ THỦY. Nghiên cứu so sánh sự sinh trưởng và hiệu quả chăn nuôi một số nhóm gà lai nuôi thịt 151-157
- ❑ NGUYỄN XUÂN HÒA, TÔN NỮ ÁI QUYÊN, PHẠM HOÀNG SƠN HƯNG. Kết quả khảo sát đáp ứng miễn dịch của gà và vịt với các hình thức chăn nuôi khác nhau sau khi tiêm hai loại vắc xin cúm gia cầm trên một số địa bàn tỉnh Bình Định 158-161
- ❑ PHẠM HOÀNG SƠN HƯNG, VÕ THỊ BẠCH NHẠN, NGUYỄN XUÂN HÒA. Thực trạng nhiễm vi khuẩn trên thịt lợn sau giết mổ tại một số chợ ở thành phố Huế 162-166
- ❑ NGÔ TÙNG ĐỨC, DƯƠNG VIỆT TÂN. Hiệu quả sử dụng và xung đột trong sử dụng đất lâm nghiệp ở tỉnh Thừa Thiên- Huế: Nghiên cứu trường hợp ở Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên- Huế 167-174
- ❑ NGUYỄN VĂN LỢI, HỒ THANH HÀ, DƯƠNG VĂN THÀNH VÀ HOÀNG VĂN DƯƠNG. Ứng dụng công nghệ tích hợp tư liệu ảnh viễn thám, AHP vào GIS để xây dựng bản đồ phân bố Saola (*Pseudoryx nghetinhensis*) ở huyện Nam Đông và A Lưới, tỉnh Thừa Thiên- Huế 175-183
- ❑ LÊ QUANG VĨNH, HOÀNG HUY TUẤN, HOÀNG DƯƠNG XÔ VIỆT, NGUYỄN DUY PHONG, LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO. Đánh giá thực trạng khai thác và tiêu thụ lâm sản ngoài gỗ ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên- Huế 184-191
- ❑ NGÔ THỊ PHƯƠNG ANH, LÊ QUANG VĨNH, NGUYỄN DUY PHONG, HOÀNG DƯƠNG XÔ VIỆT, PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO. Đánh giá hiệu năng chăn gió của các đai rìng phòng hộ trên vùng cát ven biển ở xã Điện Hòa và Điện Hương, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên- Huế 192-199
- ❑ NGUYỄN TÚ ĐỨC, HUỲNH VĂN CHƯƠNG, NGUYỄN NGỌC THANH, ĐINH VŨ LONG. Nghiên cứu thực hiện chính sách giao đất sản xuất lâm nghiệp cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn phía Tây Nam tỉnh Quảng Bình 200-206

**VIETNAM JOURNAL OF
AGRICULTURE AND RURAL
DEVELOPMENT**
ISSN 1859 - 4581

THE SEVENTEENTH YEAR

**50TH ANNIVERSARY HUE
UNIVERSITY OF AGRICULTURE AND
FORESTRY SOME RESULTS ON
SCIENCES AND TECHNOLOGY IN
THE PERIOD OF 2014 - 2016**
MARCH - 2017

Editor-in-Chief
PHAM HA THAI
Tel: 04.37711070

Deputy Editor-in-Chief
DUONG THANH HAI
Tel: 04.38345457

Head-office
No 10 Nguyencconghoa
Badinh - Hanoi - Vietnam
Tel: 04.37711072
Fax: 04.37711073
E-mail: tapchinongnghiep@vnn.vn
Website: www.tapchikhoa hocnongnghiep.vn

Representative Office
135 Pasteur
Dist 3 - Hochiminh City
Tel/Fax: 08.38274089

Printing in Hoang Quoc Viet
technology and science
joint stock company

- for black pepper in Quang Tri 108-113
- DO MINH CUONG, NGUYEN THI NGOC, TRAN DUC HANH, VO CONG ANH, NGUYEN TIEN LONG. Design and manufacturing a shaker test bench system for researching vehicles vibration 114-120
- NGUYEN HIEN TRANG, LE THANH LONG, TRAN THI THU HA, NGUYEN THY DAN HUYEN, NGUYEN CAO CUONG. Study on the application of coating base on nanochitosan against *Aspergillus niger* N3 during mung bean seed storage 121-127
- DINH THI THU THANH, DO THI BICH THUY, TRAN THI AI LUYEN. Study on the biosynthesis of exopolysaccharide by *Pediococcus acidilactic* TC3 strain 128-134
- DUONG QUOC NON, NGUYEN HUU NGU, NGUYEN THI NHAT LINH, NGUYEN THE VINH. Integrating DSAS, GIS - remote sensing assessment of shorelines change: case study at Cua Dai beach, Quang Nam province 135-143
- NGUYEN VAN BINH, HO KIET. Application of remote sensing and Landsat to research ground moisture based on index of temperature drought - plants (TVDI) in the Huong Tra district, Thua Thien - Hue province 144-150
- NGUYEN TU MINH, LE VAN DAN. Study on aerobic granulation using sequencing batch reactor for shrimp cultivation wastewater treatment 151-157
- NGUYEN DUC HUNG, NGUYEN TIEN QUANG, NGUYEN DUC CHUNG, HO LE QUYNH CHAU, NGUYEN THI MUI, NGUYEN THI THUY. Comparison of growth performance and production efficiency of some hybrid broilers 158-161
- PHAM HOANG SON HUNG, VO THI BACH NHAN, NGUYEN XUAN HOA. Situation of bacteria infection in pork after slaughter in market in Hue city 162-166
- NGO TUNG DUC, DUONG VIET TAN. Efficiency and conflicts in use of forestry land in Thua Thien -Hue: Case studies in Phu Loc Forestry Limited Company, Thua Thien-Hue province 167-174
- NGUYEN VAN LOI, HO THANH HA, DUONG VAN THANH, HOANG VAN DUONG. Application of integration technology of remote sensing and fuzzy AHP into GIS to build distribution map of Saola (*Pseudoryx nghetinhensis*) in Nam Dong and A Luoi district, Thua Thien -Hue province 175-183
- LE QUANG VINH, HOANG HUY TUAN, HOANG DUONG XO VIET, NGUYEN DUY PHONG, LE THI PHUONG THAO. Evaluating situations of harvest and consumption of non-timber forest products in A Luoi district, Thua Thien- Hue province 184-191
- NGO THI PHUONG ANH, LE QUANG VINH, NGUYEN DUY PHONG, HOANG DUONG XO VIET, PHAM THI PHUONG THAO. Windbreaks performance evaluation of protection forest belt on coastal areas in Dien Hoa and Dien Huong communes, Phong Dien district, Thua Thien - Hue province 192-199
- NGUYEN TU DUC, HUYNH VAN CHUONG, NGUYEN NGOC THANH, DINH VU LONG. The study of the forestry production land allocation policies for ethnic minorities in the West - South area in Quang Binh province 200-206

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐÁP ỨNG MIỄN DỊCH CỦA GÀ VÀ VỊT VỚI CÁC HÌNH THỨC CHĂN NUÔI KHÁC NHAU SAU KHI TIỀM HAI LOẠI VẮC XIN CÚM GIA CẨM TRÊN MỘT SỐ ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Xuân Hòa¹, Tôn Nữ Ái Quyên², Phạm Hoàng Sơn Hưng¹

TÓM TẮT

Sử dụng phương pháp ngâm trứ ngung kết hổng cầu để đánh giá hàm lượng kháng thể dịch thể kháng lại vi rút cúm gia cầm từ 540 mẫu huyết thanh gà cầm đã được tiêm phòng và 90 mẫu chưa tiêm phòng được thu thập tại huyện Hoài Nhơn, Tây Sơn và thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Kết quả đánh giá đáp ứng miễn dịch của gia cầm sau tiêm phòng cho thấy ở gà cả hai phương thức chăn nuôi thả vườn và nuôi nhốt đều đạt tỷ lệ bảo hộ sau tiêm phòng là 88,3% (159/180 mẫu). Đối với vịt tỷ lệ mẫu huyết thanh được bảo hộ sau tiêm phòng đạt 90% (162/180). Trong khi đó đối chúng các gia cầm không được tiêm vắc xin có tỷ lệ bảo hộ tự nhiên là 4,4% (4/90 mẫu). Tỷ lệ bảo hộ của gia cầm sau khi tiêm vắc xin NAVET-VIFLUVAC NIBRG-14 đạt 89,6%, cao hơn so với vắc xin H5N1Re-6 là 87,4% ($P>0,05$). Tóm lại, để nâng cao hiệu quả chăn nuôi và phòng chống cúm gia cầm ở Bình Định, cần tiêm phòng với một trong 2 loại vắc xin trên, định kỳ hàng tháng nên tiêu độc chuồng trại, không nên nuôi gia cầm thả rông, cần kiểm soát được nâng cao chất lượng thức ăn cho gia cầm nuôi.

Từ khóa: Cúm gia cầm, vắc xin NAVET-VIFLUVAC NIBRG-14, vắc xin H5N1Re-6.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh cúm gia cầm Avian influenza là một loại bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi rút cúm type A H5N1 thuộc họ *Orthomyxoviridae* gây ra cho các loài gia cầm và có thể gây nhiễm một số loài động vật có vú, trong đó có con người. Bệnh có thể lây lan trực tiếp do con vật mẫn cảm tiếp xúc với con vật mắc bệnh hoặc gián tiếp qua phân, thức ăn, nước uống bị nhiễm hoặc qua dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển, côn trùng (Vũ Thị Mỹ Hạnh, Tô Long Thành và cộng sự, 2008; Alexander D. J., 2000).

Các biện pháp phòng chống dịch được áp dụng triệt để ngay từ đầu như tiêu hủy toàn bộ đàn gia cầm mắc bệnh; cấm buôn bán, vận chuyển gia cầm bệnh và gia cầm trong vùng có dịch; tiêu độc, khử trùng, tăng cường các biện pháp an toàn sinh học...đã góp phần khống chế các đợt dịch, song rất tốn kém, gây ô nhiễm môi trường và không mang lại hiệu quả mong muốn trong điều kiện chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ như ở Việt Nam. Cho đến nay, bệnh cúm gia cầm chưa được khống chế hoàn toàn và vẫn tái phát lè tê ở nhiều địa phương trong cả nước. Biện pháp chủ động và hữu hiệu để kiểm soát, ngăn chặn sự tái phát dịch cúm gia cầm chủng độc lực cao HPAI (High Pathogenic Avian Influenza) là thực hiện an toàn sinh học trong chăn nuôi và tiêm phòng vắc xin cúm cho

đàn gia cầm. Tuy nhiên, khả năng bảo hộ của gia cầm sau khi được tiêm phòng vắc xin cúm có thể thay đổi bởi nhiều yếu tố như kỹ thuật tiêm phòng, giống, tuổi, phương thức chăn nuôi, quy mô chăn nuôi, hướng sản xuất, điều kiện vệ sinh thú y (Lê Văn Năm, 2004).

Từ tháng 8/2005, Việt Nam bắt đầu áp dụng tiêm phòng vắc xin để khống chế dịch cúm và đạt được những kết quả nhất định. Vắc xin H5N1Re-1 đã không được sản xuất và sử dụng tại Trung Quốc từ năm 2008 do vấn đề vi rút biến đổi. Tuy nhiên, vắc xin này vẫn có hiệu quả với các nhánh vi rút lưu hành tại Việt Nam trước đây (nhánh 1 và nhánh 2. 3. 4) do vậy Việt Nam vẫn đặt hàng Trung Quốc sản xuất vắc xin này để sử dụng trong các năm 2009-2010. Sau đó, vắc xin H5N1Re-5 được sử dụng tiêm phòng năm 2011, vắc xin này có tác dụng bảo hộ đối với vi rút H5N1 nhánh 1 và bảo hộ rất thấp với một số chủng vi rút H5N1 thuộc nhánh mới 2. 3. 2. Theo thông báo của Cục Thú y về kết quả giải trình tự gien vi rút cúm gia cầm H5N1 phát hiện trong năm 2014 lưu hành tại Bình Định là vi rút cúm gia cầm H5N1 nhánh 2. 3. 2. 1C. Vắc xin H5N1Re-6 và NAVET-VIFLUVAC NIBRG-14 có hiệu lực cao đối với vi rút H5N1 nhánh 2. 3. 2. 1C. Do đó 2 loại vắc xin này đang được sử dụng tại Bình Định để khống chế dịch cúm gia cầm.

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm đánh giá đáp ứng miễn dịch của một số loại vắc xin cúm A trên đàn gia cầm để đưa ra cảnh báo và các biện pháp

¹Đại học Nông Lâm Huế

²Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định

ứng miễn dịch cao. Nhờ đó giảm được nguy cơ lây lan và phát tán vi rút làm ô nhiễm môi trường.

Nhóm gia cầm không được tiêm phòng được thu mẫu huyết thanh để kiểm tra hiệu giá kháng thể, kết quả cho thấy hiệu giá kháng thể của đàn gia cầm nuôi trên địa bàn tỉnh Bình Định khi không tiêm phòng không đạt mức cần thiết theo quy định. Tỷ lệ bảo hộ đạt 4/90 mẫu, chiếm 4,4%. Như vậy vấn đề tiêm phòng đóng vai trò quan trọng hàng đầu để

giúp cho gia cầm có hàm lượng kháng thể đạt đến mức bảo hộ, gia cầm không được tiêm phòng nó vẫn có thể có hiệu giá kháng thể điều này cho thấy có thể do gia cầm cảm nhiễm vi rút có trong tự nhiên, tuy nhiên hàm lượng thấp do đó không đủ khả năng bảo hộ.

3.2. So sánh hiệu giá kháng thể của 2 loại vaccine cúm H5N1Re-6 và NAVET-VIFLUVAC NIBRG-14 trên gia cầm

Bảng 2. Hiệu giá kháng thể sau tiêm phòng với một số loại vắc xin cúm gia cầm

Gia cầm	Vắc xin	Số mẫu xét nghiệm	Hiệu giá kháng thể HI							Tỷ lệ bảo hộ (%)
			<1/8	1/8	1/16	1/32	1/64	1/128	1/256	
Gà thả vườn	H5N1 Re-6	90	4	7	12	13	14	17	23	87,8
	NAVET-VIFLUVAC NIBRG-14	90	4	6	9	15	15	25	16	
Gà nuôi nhốt	H5N1 Re-6	90	5	7	6	14	14	22	22	86,7
	NAVET-VIFLUVAC NIBRG-14	90	2	7	9	10	14	21	27	
Vịt	H5N1 Re-6	90	10	1	6	11	10	18	34	87,8
	NAVET-VIFLUVAC NIBRG-14	90	9	0	15	13	8	13	32	
Tổng cộng	H5N1 Re-6	270	19	15	24	38	38	57	79	87,4
	NAVET-VIFLUVAC NIBRG-14	270	15	13	33	38	37	59	75	
		540	34	28	57	76	75	116	154	88,5

Kết quả kiểm tra so sánh hiệu giá kháng thể của 2 loại vắc xin trên các đối tượng gia cầm khác nhau được thể hiện qua bảng 2 cho thấy khả năng đáp ứng miễn dịch của đàn gia cầm khá cao, điều này cho thấy cả hai loại vắc xin đều có đáp ứng miễn dịch tốt cho gia cầm nhờ vậy từ năm 2015 đến nay đã giảm nguy cơ về dịch bệnh cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Định. Vậy tỷ lệ bảo hộ các đàn gia cầm ở các địa bàn của tỉnh Bình Định đều đạt khá cao đối với cả 2 loại vắc xin cúm H5N1Re-6 và NAVET-VIFLUVAC NIBRG-14. Tuy tỷ lệ bảo hộ đối với vắc xin NAVET-VIFLUVAC NIBRG-14 (89,6%) cao hơn so với vắc xin H5N1Re-6 (87,4%) nhưng sự sai khác này là không có ý nghĩa về mặt thống kê ($P = 0,499722 > 0,05$).

Khả năng đáp ứng miễn dịch của đàn gia cầm cao dẫn đến giảm nguy cơ về dịch bệnh cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhờ vậy mà từ năm 2015 đến nay dịch cúm gia cầm không bùng phát trở lại ở Bình Định, không có người nhiễm cúm H5N1. Cả hai loại vắc xin đều cho đáp ứng miễn dịch cao với cúm gia cầm chính, vì vậy khuyến cáo người chăn nuôi có thể sử dụng một trong hai loại vắc xin trên để tiêm phòng cho gia cầm để giảm thiệt hại về kinh tế, bảo vệ môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

4. KẾT LUẬN

Kết quả đánh giá đáp ứng miễn dịch của của gia cầm sau tiêm phòng cho thấy ở gà cả hai phương thức chăn nuôi thả vườn và nuôi nhốt đều đạt tỷ lệ bảo hộ sau tiêm phòng là 88,3% (159/180 mẫu). Đối với vịt tỷ lệ mẫu huyết thanh được bảo hộ sau tiêm phòng đạt 90% (162/180) trong khi đó đối chúng các gia cầm không được tiêm vắc xin có tỷ lệ bảo hộ tự nhiên là 4,4% (4/90 mẫu).

Tỷ lệ bảo hộ của gia cầm sau khi tiêm vắc xin NAVET-VIFLUVAC NIBRG-14 đạt 89,6%, H5N1Re-6 là 87,4% đều đạt yêu cầu bảo hộ chống cúm gia cầm.

Để nâng cao hiệu quả chăn nuôi và phòng chống cúm gia cầm cần tiêm phòng với một trong 2 loại vắc xin trên để nâng cao sức đề kháng cho đàn gia cầm nuôi ở tỉnh Bình Định tiến tới tới thanh toán bệnh cúm gia cầm. Định kỳ hàng tháng nên tiêu độc chuồng trại, không nên nuôi gia cầm thả rông, cần kiểm soát, nâng cao chất lượng thức ăn cho gia cầm nuôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alexander D. J. 2000. A review of avian influenza in different birds species. Vet. Microbiol 74: 3-13.

2. Chi cục thú y tỉnh Bình Định, 2014. Báo cáo tổng kết tình hình dịch bệnh năm 2014.
3. Lê Văn Năm, 2004. Kết quả khảo sát các biểu hiện lâm sàng và bệnh tích đại thể bệnh cúm gia cầm ở một số cơ sở chăn nuôi các tỉnh phía Bắc. Khoa học Kỹ thuật Thú y 11(3): 86-90.
4. Nguyễn Hữu Mạnh, Nguyễn Hiếu Thuận, Lê Hoàng Văn, Điện N. T. H., Lê Nguyễn Thị Như Lan, Nguyễn Nhụt Xuân Dũng, 2011. Khảo sát kháng thể thụ động và kháng thể chủ động tự nhiên đối với vi rút cúm H5N1 ở các loài gia cầm khác nhau. Đại học Cần Thơ 18b: 36-42.
5. Nguyễn Tiến Dũng, Đỗ Quý Phương, Đào Thanh Vân, Bùi Ngọc Anh, Bùi Nghĩa Vượng, Nguyễn Thế Vinh, Nguyễn Thúy Duyên, 2005. Giám sát bệnh Cúm gia cầm tại Thái Bình. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y 12(2): 6-12.
6. USAID.GOV, 2013.
7. Vũ Thị Mỹ Hạnh, Tô Long Thành và cộng sự, 2008. Kiểm nghiệm vắc xin Cúm gia cầm H5N1 của Trung Quốc sử dụng trong giai đoạn 2006-2007. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y 15(4): 25-32.
- 8.http://www.who.int/influenza/human_animal_interface/H5N1_cumulative_table_archives/en/.
- 9.<http://www.oie.int/en/animal-health-in-the-world/update-on-avian-influenza/2016/>.

SURVEY RESULTS OF IMMUNE RESPONSES OF DUCK AND CHICKEN FROM DIFFERENT BREEDING METHODS AFTER INJECTING TWO TYPES OF AVIAN INFLUENZA VACCINES IN SOME AREAS IN BINH DINH PROVINCE

Nguyen Xuan Hoa, Ton Nu Ai Quyen, Pham Hoang Son Hung

Summary

Haemagglutination inhibitory test was used to assess antibody levels resistant to avian influenza virus from 540 vaccinated serum samples and 90 unvaccinated ones collected in Hoai Nhon, Tay Son districts and An Nhơn town, Bình Định province. Results of evaluating the immune response after vaccination for poultry showed that both breeding methods, caged breeding and backyard breeding, have reached the same rate of protection after vaccination, that was 88.3% (159/180 samples). For duck, rate of protected serum samples after vaccination reached 90% (162/180). Whereas, the un-vaccinated poultry of control experiment had natural protection rate of 4.4% (4/90 samples). Protection percentage of poultry after vaccinating with NAVET-VIFLUVAC NIBRG-14 was 89.6%, higher than with vaccine H5N1Re-6, which was 87.4% ($P > 0.05$). In conclusion, to improve breeding efficiency and prevention from avian influenza outbreaks in Bình Định, it is essential to vaccinate poultry with 1 of 2 kinds of vaccine above, disinfect cages monthly, provide poultry with shelter, control and improve food quality for poultry.

Keywords: Avian influenza, vaccine H5N1Re-6, vaccine NAVET-VIFLUVAC NIBRG-14.

Người phản biện: PGS.TS Lê Văn Năm

Ngày nhận bài: 24/12/2016

Ngày thông qua phản biện: 24/1/2017

Ngày duyệt đăng: 3/2/2017